

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ  
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011 - 2015**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Kế hoạch, Chương trình trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tờ trình số 31/SKH-CN ngày 15/11/2010; Sở Tài chính tại tờ trình số 935/STC-HCSN ngày 20/5/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011 - 2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU CHỦ YẾU**

1. Hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên bộ, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nâng cao năng suất và chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu tăng cường sức cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế;

2. Đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới thiết bị kỹ thuật theo chiến lược phát triển và mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp đối với các sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản phẩm công nghệ cao;

3. Nâng cao năng lực công nghệ của các doanh nghiệp thông qua chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất các sản phẩm mới, chuyên giao công nghệ, ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất;

4. Giới thiệu, cung cấp thông tin về công nghệ, thiết bị cho các doanh nghiệp, hỗ trợ đánh giá, lựa chọn công nghệ;

5. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm và dịch vụ; xây dựng và quảng bá thương hiệu;

6. Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO và các tiêu chuẩn quốc tế, quốc gia khác; giải thưởng chất lượng quốc gia; thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT);

7. Xúc tiến mở rộng thị trường cho doanh nghiệp;

8. Xúc tiến thành lập “cơ sở ươm tạo công nghệ”;

9. Triển khai hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng để hàng năm dành một phần kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới, nâng cao năng lực công nghệ.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ**

### **1. Phạm vi**

a) Hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ, áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến phù hợp với các điều kiện hội nhập, phát triển các tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

b) Các hướng sản xuất kinh doanh được ưu tiên hỗ trợ là sản xuất các sản phẩm xuất khẩu và các sản phẩm trọng điểm của tỉnh như chè, rau, hoa, khai khoáng, dịch vụ du lịch...; ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm công nghệ cao.

### **2. Đối tượng hỗ trợ**

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ; Thông tư liên tịch số 2341/2000/TTLT/BKHCNMT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2000 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ.

## **III. NỘI DUNG CHỦ YẾU**

### **1. Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ:**

a) Tổ chức Hội chợ công nghệ thiết bị cấp tỉnh với nội dung, chủ đề gắn với nhu cầu phát triển kinh tế cụ thể của tỉnh như công nghệ thiết bị chế biến nông sản, thực phẩm; công nghệ xử lý sau thu hoạch; các công nghệ nhân giống và các loại giống cây con chất lượng cao; công nghệ tái chế, xử lý ô nhiễm... trong công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ;

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các Hội chợ công nghệ - thiết bị quốc gia, khu vực hàng năm;

c) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin: Hỗ trợ quảng bá và thương mại trên mạng dùng chung cho các doanh nghiệp; thiết lập 03 - 05 chương trình dùng chung cho các doanh nghiệp;

d) Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiến bộ kỹ thuật và đổi mới công nghệ 05 dự án/năm;

đ) Triển khai hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh để có nguồn hỗ trợ doanh nghiệp.

## **2. Hỗ trợ về tiêu chuẩn chất lượng:**

a) Tổ chức tuyên truyền về TBT, tập huấn về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, xây dựng tiêu chuẩn, phổ biến áp dụng tiêu chuẩn tiên tiến phù hợp với các thị trường cụ thể; đào tạo về các hệ thống quản lý tiên tiến; hướng dẫn kỹ thuật quản lý chất lượng trong các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ;

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện chứng nhận chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), hỗ trợ doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng Việt Nam;

c) Ưu tiên hỗ trợ cho các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến ISO 9000, ISO 14000, HACCP, GMP, SA 8000, GAP, ISO 22000, ISO 17025... cho doanh nghiệp với 25 - 30 dự án;

d) Tổ chức hoạt động cung cấp thông tin về Hiệp định TBT.

## **3. Hỗ trợ về phát triển về tài sản trí tuệ, thương hiệu:**

a) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b) Tổ chức các cuộc hội thảo, các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ;

c) Biên soạn, phát hành tài liệu hướng dẫn về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ;

d) Nâng cao năng lực và chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ triển khai công tác tư vấn, hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ ở Trung ương và địa phương;

đ) Cung cấp thông tin về sở hữu trí tuệ để doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ; cung cấp, hướng dẫn khai thác, áp dụng các nguồn thông tin sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước;

e) Hỗ trợ thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác, bảo vệ, quản lý và phát triển giá trị nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp: Phổ biến kiến thức, yêu cầu về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp; hỗ trợ hoạt động quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu;

g) Hỗ trợ xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý: Hỗ trợ đánh giá đặc sản của địa phương nhằm xác định sự cần thiết phải bảo hộ; xác

định chủ thể quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; xác định tính đặc thù của sản phẩm mang địa danh; lựa chọn hình thức bảo hộ và tiến hành các thủ tục xác lập quyền; tổ chức quản lý việc sử dụng chỉ dẫn địa lý và phát triển giá trị chỉ dẫn địa lý;

h) Hỗ trợ xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với thành quả sáng tạo khoa học và công nghệ: Khuyến khích lao động sáng tạo; đưa thông tin sở hữu trí tuệ vào hoạt động nghiên cứu, sáng tạo khoa học và công nghệ; hỗ trợ xác lập, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ đối với sản phẩm sáng tạo khoa học và công nghệ;

i) Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu, sản phẩm thông tin khoa học và công nghệ và sở hữu trí tuệ phục vụ các hoạt động nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh;

k) Tổ chức, hướng dẫn tra cứu, khai thác các nguồn thông tin khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ;

l) Tổ chức dịch vụ cung cấp thông tin khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ theo yêu cầu;

m) Hỗ trợ khai thác, ứng dụng thông tin khoa học và công nghệ, đặc biệt là thông tin sáng chế để định hướng nghiên cứu, tạo ra các công nghệ và sản phẩm mới;

n) Hỗ trợ tra cứu, đánh giá, khai thác các sáng chế không được bảo hộ tại Việt Nam phục vụ hoạt động triển khai, sản xuất, kinh doanh;

o) Hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, sử dụng trái phép các đối tượng sở hữu trí tuệ;

p) Tổ chức, triển khai các chương trình hợp tác quốc tế về hỗ trợ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ.

#### **4. Nâng cao năng lực dịch vụ kỹ thuật phục vụ doanh nghiệp:**

a) Hỗ trợ các phòng thử nghiệm chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 17025, đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng các sản phẩm chủ yếu, thực hiện kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong tỉnh;

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ; tổ chức mạng lưới điểm cung cấp thông tin khoa học và công nghệ cấp xã, huyện.

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí được trích 20% từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt trong tổng mức phân bổ dự toán chỉ hàng năm; cụ thể như sau:

- Năm 2011: 2.300 triệu đồng;
- Năm 2012: 2.800 triệu đồng;
- Năm 2013: 3.200 triệu đồng;

- Năm 2014: 3.500 triệu đồng;

- Năm 2015: 4.200 triệu đồng.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng;

3. Vốn đối ứng của doanh nghiệp;

4. Các nguồn vốn khác: Vốn từ nguồn hợp tác quốc tế; vốn từ nguồn đóng góp, tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

## **V. HÌNH THỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ**

Tùy theo từng giải pháp triển khai thực hiện Chương trình, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu hỗ trợ kinh phí cho các chương trình hoạt động dựa trên cơ sở dự toán kinh phí đã được thẩm định theo một trong các hình thức sau:

1. Hỗ trợ toàn bộ kinh phí để triển khai thực hiện các hoạt động sau:

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức đối với tầm quan trọng của ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, xây dựng thương hiệu và cạnh tranh hội nhập kinh tế của doanh nghiệp; tuyên truyền đào tạo các vấn đề pháp luật và kỹ thuật về sở hữu trí tuệ, về thương hiệu, về sở hữu công nghiệp và các hiểu biết về Hiệp định TBT;

b) Tư vấn các nội dung triển khai về ứng dụng khoa học và công nghệ đối với doanh nghiệp, bồi dưỡng và nâng cao kiến thức quản lý kinh doanh theo quy trình khoa học và công nghệ tiên tiến;

c) Tổ chức chợ công nghệ và thiết bị bao gồm kinh phí tổ chức, diễn đàn trao đổi tư vấn...;

d) Hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp trong việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể gắn với địa danh, địa lý và hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa.

2. Hỗ trợ một phần kinh phí:

a) Hỗ trợ một phần kinh phí theo mức tối đa không quá 30% giá trị dự án đối với các chương trình sau:

- Hỗ trợ doanh nghiệp mua các bí quyết công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật cho các lĩnh vực và loại hình công nghệ ưu tiên đổi mới; chi phí cho nghiên cứu, thiết kế mô phỏng các thiết bị công nghệ phục vụ cho các lĩnh vực và loại hình công nghệ ưu tiên đổi mới (tính trên giá trị hợp đồng);

- Hỗ trợ các dự án cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng và chi phí (trong đó loại trừ các trường hợp đã được chuyển giao công nghệ kèm theo thiết bị mua sắm); các dự án xây dựng các mô hình ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ nông nghiệp nông thôn;

- Hỗ trợ kinh phí đánh giá công nghệ tại các doanh nghiệp, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyển giao cho doanh nghiệp;

- Hỗ trợ một phần kinh phí giúp doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa; quảng bá sản phẩm, tham gia hội chợ công nghệ và thiết bị;

- Các hoạt động nghiên cứu, lập báo cáo khả thi khi doanh nghiệp yêu cầu thực hiện hoặc có ký kết hợp đồng.

b) Hỗ trợ một phần kinh phí theo mức tối đa không quá 70% giá trị dự án đối với các hoạt động sau:

- Kinh phí đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn;

- Hỗ trợ đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và hợp quy đối với sản phẩm xuất khẩu (tối đa không quá 2 sản phẩm/năm)

### 3. Hỗ trợ có thu hồi kinh phí:

Thực hiện đối với các hoạt động ứng dụng kết quả các đề tài khoa học vào sản phẩm của doanh nghiệp, mức hỗ trợ không quá 30% giá chuyển giao công nghệ để doanh nghiệp chi trả thù lao cho tác giả;

Mức thu hồi tùy thuộc vào quy mô đầu tư và khả năng thời gian thu hồi vốn của doanh nghiệp.

## VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Giải pháp về tuyên truyền:

- Tăng cường tuyên truyền các nội dung hội nhập về quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm và về sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, quản lý chính quyền và nhất là của các doanh nghiệp trong tỉnh. Từ đó, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp quan tâm đầu tư nhiều hơn vào áp dụng khoa học và công nghệ, phương thức quản lý tiên tiến, khắc phục được các rào cản phí thuế quan, nâng cao khả năng cạnh tranh và chủ động hội nhập;

- Tuyên truyền phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương về các nội dung, chính sách hỗ trợ của Chương trình nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể tiếp cận một cách thuận lợi.

### 2. Giải pháp phối hợp, lồng ghép với hoạt động của các ngành:

- Các dự án hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực khác nhau như nông nghiệp, công nghiệp hay công nghệ thông tin cần phối kết hợp với các nội dung của các chương trình khuyến nông, khuyến công, và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin. Các nội dung hỗ trợ về khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị định 119/1999/NĐ-CP sẽ được xem xét từ nguồn lực của Chương trình này. Các chương trình khác tạo các điều kiện cho doanh nghiệp phát triển kinh doanh có hiệu quả, trên cơ sở không đầu tư trùng lặp các nội dung;

- Các ngành nông nghiệp, công nghiệp và bưu chính viễn thông chủ động đề xuất các hướng sản phẩm trọng tâm, các hướng công nghệ ưu tiên gắn với chương trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế để định hướng cho các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch hằng năm;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ theo chương trình phát triển kinh tế - xã hội và hướng chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương hướng dẫn, động viên các doanh nghiệp trên địa bàn đăng ký tham gia thực hiện Chương trình;

- Các hoạt động tuyên truyền, đào tạo, tập huấn và đảm bảo nguồn lực thông tin được đưa vào kế hoạch hoạt động thường xuyên của cơ quan chức năng liên quan.

### **3. Giải pháp về tài chính:**

- Sở Khoa học và Công nghệ dự toán kinh phí hỗ trợ cụ thể trong kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm;

- Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ khác;

- Động viên việc chủ động đầu tư của các doanh nghiệp.

### **4. Giải pháp về quản lý:**

- Doanh nghiệp thực hiện đăng ký các dự án, trên cơ sở có sẵn các điều kiện cần thiết để có thể sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ;

- Các nội dung thực hiện cụ thể của dự án được xây dựng trong kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh. Cơ chế xem xét các dự án hỗ trợ trên cơ sở tư vấn của Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Khoa học và Công nghệ thành lập theo từng lĩnh vực dự án.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nội dung Chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện theo đúng quy định hiện hành và báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình này;

- Hằng năm Sở Khoa học và Công nghệ dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định, bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình theo quy định.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng dự án trên các lĩnh vực có liên quan;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /- *Uuu*

**Nơi nhận:**

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, VX<sub>1</sub>, CN, TC, TH, KH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Đ.Đ.Đ.*

**Huỳnh Đức Hòa**